

**CÔNG TY CỔ PHẦN OSKUTO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN OSKUTO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OSKUTO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: OSKUTO., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108317267

**3. Ngày thành lập:** 11/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11, ngõ 18, đường Phan Đình Giót, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                 | 1702     |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                          | 3312     |
| 3.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                             | 3320     |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                              | 4311     |
| 5.  | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                          | 4763     |
| 6.  | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4774     |
| 7.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                      | 1701     |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                               | 4100     |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                          | 4290     |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                   | 4312     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                               | 4321     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                     | 4322     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                      | 4329     |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                      | 4330     |
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                 | 4390     |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                | 4641     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.<br>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;<br>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659 |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662 |
| 20. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4742 |
| 21. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4751 |
| 22. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4753 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4759 |
| 24. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4761 |
| 25. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4764 |
| 26. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1709 |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4210 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4220 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |

|     |                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 30. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653        |
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                             | 4663        |
| 33. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp                                        | 4669(Chính) |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                | 4752        |
| 35. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                          | 4762        |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ VĂN THÁI      | Xóm 7, Xã Hải Đường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 2.500      | 250.000.000           | 5,000     | 161897712                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                         | Tổng số           | 2.500      | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TIỀN DŨNG     | P502 nhà A ngõ 222A Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 42.500     | 4.250.000.000         | 85,000    | 030076000204                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                         | Tổng số           | 42.500     | 4.250.000.000         | 85,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THANH TÂN | P502 nhà A ngõ 222A Đội Cấn, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 5.000      | 500.000.000           | 10,000    | 030176003710                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                         | Tổng số           | 5.000      | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ VĂN THÁI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/03/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *161897712*

Ngày cấp: *17/04/2012*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nam Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 7, Xã Hải Đường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 7, Xã Hải Đường, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội